

TP. HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ DFN-FIX
NĂM TÀI CHÍNH 2022**

I. Môi trường đầu tư năm 2022

Năm 2022 được xem là năm nhiều rủi ro đối với nền kinh tế toàn cầu, các khó khăn được dự báo là rất lớn và có thể kéo dài trong các năm sau, có thể đẩy các quốc gia trên thế giới vào suy thoái, xung đột vũ trang giữa Ukraine – Nga góp phần làm thương mại toàn cầu bị tác động tiêu cực, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, tình trạng thiếu hụt hàng hóa quan trọng như lương thực, khí đốt, dầu mỏ cũng như giá cả hàng hóa khác trên thế giới tăng mạnh, Bên cạnh xung đột giữa Ukraine - Nga, Trung Quốc còn áp dụng chính sách zero-covid trong suốt năm 2022 đã làm trầm trọng thêm khó khăn trong thương mại toàn cầu, lạm phát tại Mỹ, Châu Âu tăng mạnh, gần mức 2 con số, khiến các quốc gia này đẩy nhanh tiến độ thắt chặt tiền tệ và tăng lãi suất.

Đối với tình hình trong nước, Chính phủ đã chỉ đạo mở cửa kinh tế sau dịch bệnh, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế để không lỡ nhịp với đà phục hồi của kinh tế thế giới, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ trong 2 năm 2022-2023, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công với các dự án hạ tầng trọng điểm làm động lực cho phát triển kinh tế toàn xã hội. Các chính sách này ban đầu được đánh giá đã phát huy tác động, hiệu quả, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế nhanh và bền vững, Kinh tế - Xã hội năm 2022 của nước ta đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hầu hết các ngành, lĩnh vực có xu hướng phục hồi và tăng trưởng trở lại.

Trong bối cảnh chung như vậy, kinh tế vĩ mô của Việt Nam được đánh giá ổn định và phục hồi tốt, Moody trong kỳ đánh giá tháng 9 năm 2022 đã nâng 1 hạng thành Ba2 - ổn định từ mức Ba3 - tích cực. Nền kinh tế vẫn tăng trưởng mạnh với GDP năm 2022 công bố cao hơn mức dự báo ban đầu, đạt 8,02%, tuy nhiên cần lưu ý tốc độ tăng quý 4 năm 2022 đã không còn duy trì động lực như ba quý đầu năm khi chỉ đạt 5,92% so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2022 ghi nhận mức kỷ lục 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 371,8 tỷ USD, tăng 10,6%; nhập khẩu hàng hóa đạt 360,6 tỷ USD, tăng 8,4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD (so với mức suất siêu năm 2021 là 3,3 tỷ USD). Chỉ số quản trị mua hàng – PMI đã duy trì giữ trên mức trung bình 50 liên tục trong 13 tháng đến tháng 10 năm 2022, tuy nhiên sau đó PMI của Việt Nam đã rơi xuống dưới mức trung bình 50 trong hai tháng cuối năm 2022 khi ngành sản xuất bắt đầu suy giảm và kết thúc năm 2022 ở mức 46,4 trong tháng 12. PMI kỳ tháng 12 cho thấy các điều kiện kinh doanh đang suy giảm do các áp lực về chi phí sản xuất đầu vào cũng như thiếu hụt đơn hàng đang ngày càng lớn. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (“FDI”) năm 2022 duy trì tích cực, số liệu cập nhật của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy tính đến cuối năm 2022, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài đạt 27,72 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi ngược lại, vốn thực hiện của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 22,4 tỷ USD tăng 13,5% so với 2021. Mặc dù áp lực lạm phát trong năm 2022 là rất lớn, các mặt hàng thực phẩm và xăng dầu, dịch vụ giáo dục đều tăng cao, tuy nhiên lạm phát bình quân tiếp tục được kiểm soát tốt, với mức tăng nhẹ hơn so với thế giới và nằm dưới mức mục tiêu 4% của Quốc hội (lạm phát bình

quân tăng 3,15% so với 2021).

II. Các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

1. Cơ cấu tài sản Quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày	Tại ngày
	%	%
1. Danh mục chứng khoán cơ cấu	38,56	9,49
2. Tiền và tương đương tiền	3,10	41,58
3. Tài sản khác	58,34	48,93
Tổng cộng	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Tại ngày	
	31.12.2022	31.12.2021
1. NAV của Quỹ (VND)	63.434.389.971	63.074.823.316
2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng)	6.223.320,66	6.239.853,68
3. NAV của một đơn vị CCQ (VND)	10.193,01	10.108,38
4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	10.354,10	10.108,38
5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	10.061,64	9.982,19
6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng
7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng
8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng
9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%)	0,84	1,08
9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng
9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng	Không áp dụng
10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng
11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng

12. Ngày chốt quyền	Không áp dụng	Không áp dụng
13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,27	2,57
14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	16,19	5,32

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	0,84	0,84
Từ khi thành lập	1,93	1,01
	<u> </u>	<u> </u>

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022
Tỷ lệ tăng trưởng/1 đơn vị CCQ (%)	0,84

5. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

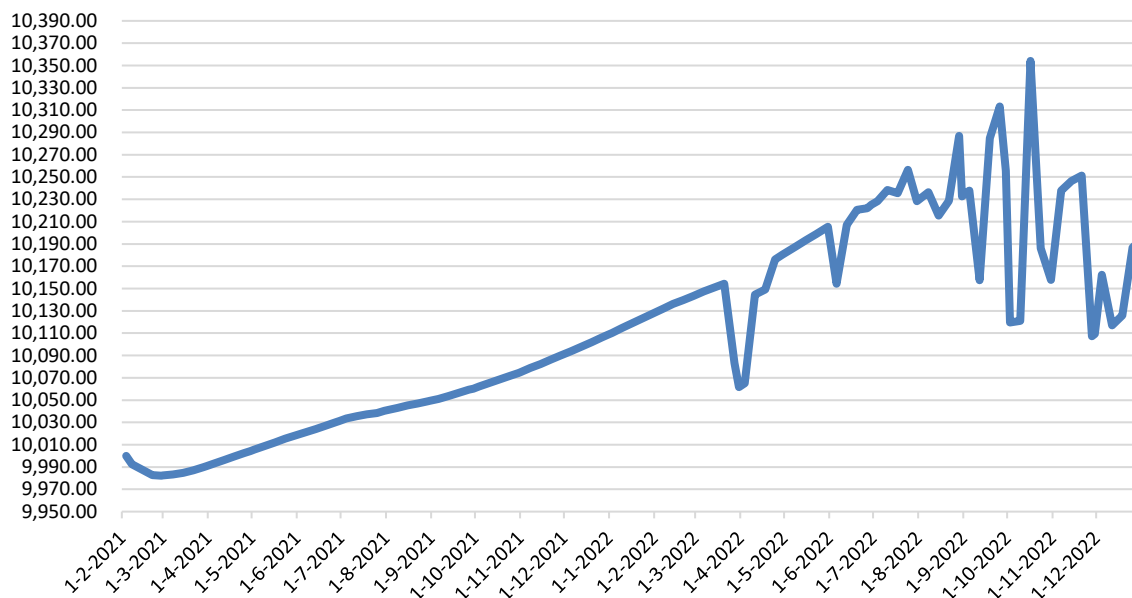
Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập Quỹ đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	0,84	1,93
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị CCQ	0,84	1,01
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (**)	Không áp dụng	Không áp dụng
	<u> </u>	<u> </u>

(*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(**) Quỹ không có giá trị thị trường.

Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ hàng tháng của Quỹ từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

NAV/CCQ



Thay đổi NAV:

Chỉ tiêu	31.12.2022 VND	31.12.2021 VND	Tỷ lệ thay đổi %
NAV của Quỹ	63.434.389.971	63.074.823.316	0,57
NAV trên 1 CCQ (“NAV/CCQ”)	10.193,01	10.108,38	0,84

III. Thông tin về triển vọng thị trường

Năm 2022, Chính phủ đã đặt mục tiêu đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và đây cũng là động lực quan trọng nhằm thúc đẩy kinh tế, hỗ trợ phục hồi sau đại dịch. Trong bối cảnh nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển từ quốc tế suy giảm, đặc biệt là vốn ODA, nguồn vốn huy động trong nước sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng và áp lực phát hành trái phiếu chính phủ là rất lớn.

Thị trường Trái phiếu Chính phủ (TPCP) đóng vai trò then chốt trên thị trường Trái phiếu, và là kênh huy động vốn quan trọng của Nhà nước cho nhu cầu vốn ngân sách Nhà nước, giải ngân đầu tư công. Quy mô niêm yết TPCP tính đến 31 tháng 12 năm 2022 đạt 1.543 ngàn tỷ đồng, tương đương 15% GDP (GDP Việt Nam được điều chỉnh từ năm 2021).

Bên cạnh đó, Ngân hàng nhà nước kỳ vọng vẫn sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chủ động linh hoạt nhưng duy trì mặt bằng lãi suất thấp hỗ trợ phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, xu hướng nâng lãi suất điều hành của các ngân hàng trung ương toàn cầu trong năm 2022 để đối mặt với áp lực lạm phát tăng cao cũng có thể tác động đến mặt bằng lãi suất và khiến cho thị trường Trái phiếu chính phủ Việt Nam càng trở nên rủi ro hơn trong giai đoạn cuối năm 2022 và có thể vẫn còn tiếp diễn trong năm 2023.

Riêng đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, sau giai đoạn bùng nổ năm 2020 - 2021, thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ghi nhận sự trầm lắng trong phần lớn thời gian năm 2022 với khối lượng phát hành, thanh khoản giảm mạnh. Tính đến cuối tháng 12 năm 2022, giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành chỉ đạt gần 255 ngàn tỷ đồng, giảm hơn 60% so với cùng kỳ 2021. Tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp đang lưu ký là 1,3 triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 14% GDP. Nguyên nhân từ nửa cuối năm 2022, thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ chứng kiến “cú sốc” tâm lý lan rộng khi nhà đầu tư chứng kiến các vụ việc xảy ra tại Tập đoàn Tân Hoàng Minh và Vạn Thịnh Phát. Niềm tin suy giảm kết hợp với thanh khoản dòng tiền trả nợ trái phiếu của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn đã khiến thị trường này gia tăng rủi ro.

Quy định mới về phát hành trái phiếu riêng lẻ đã được ban hành theo hướng kiểm soát mục đích phát hành và đối tượng đầu tư trái phiếu. Cơ quan quản lý nhà nước hiện đang tích cực kiểm soát hoạt động này nhằm giúp cho thị trường phát triển lành mạnh hơn trong dài hạn.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ
DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**